

# Giáo dục

trong một thế giới đa ngôn ngữ



Tài liệu về  
Quan điểm  
giáo dục  
của  
UNESCO



© UNESCO 2003  
Bản tiếng Anh in tại Pháp  
[ED-2003/WS/2]

ED-2003/WS/2

*Để biết thêm thông tin xin mời liên hệ:*  
Văn phòng UNESCO Hà Nội  
23 Cao Bá Quát, Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: (84-4) 747 0275 / 747 0276  
Điện nhanh Fax: (84-4) 747 0274  
E-mail: [registry@unesco.org.vn](mailto:registry@unesco.org.vn)  
Website: [www.unesco.org.vn](http://www.unesco.org.vn)

# Giáo dục

trong một thế giới đa ngôn ngữ

\_Tài liệu về  
Quan điểm giáo dục  
của UNESCO\_  
2003

# Mục lục

Lời nói đầu	7
Lời giới thiệu	8
<b>Phần I.</b> Bối cảnh đa ngôn ngữ: Những thách thức đối với hệ thống giáo dục	<b>10</b>
<b>Phần II.</b> Khuôn khổ quy phạm về ngôn ngữ và giáo dục	<b>18</b>
<b>A.</b> Các quy định chuẩn mực của Liên Hợp quốc	<b>20</b>
<b>B.</b> Các tuyên bố và công ước của UNESCO	<b>21</b>
<b>C.</b> Kết quả của các hội nghị quốc tế	<b>23</b>
<b>Phần III.</b> Hướng dẫn của UNESCO về ngôn ngữ và giáo dục	<b>26</b>
Chú dẫn	<b>33</b>

LỜI CẢM ƠN

UNESCO XIN CẢM ƠN CÁC CHUYÊN GIA ĐÃ GÓP PHẦN HÌNH THÀNH TÀI LIỆU VỀ QUAN ĐIỂM NÀY BẰNG NHỮNG ĐÓNG GÓP BÌNH LUẬN CỦA MÌNH, ĐẶC BIỆT LÀ:  
AYO BAMBOSE, ANNIE BRISSET, LOUIS- JEAN CALVET, ERNESTO COUDER, DANIS CUNNINGHAM, TARCISIO DELLA SENTA, NADINE DUTCHER, JUAN CARLOS GODENZZI, MARIA CARME JUNYENT, IRINA KHALEEVA, LACHMAN M. KHUBCHANDANI, DON LONG, FELIX MARTÍ, MIRIAN MASAQUIZA, ELITE OLSTHAIN, HENRIETTE RASMUSSEN, DÓNALL Ó RIAGÁIN, SUZANNE ROMAINE, ADAMA SAMASSÉKOU, TOVE SKUTNABB-KANGAS.  
ĐẶC BIỆT XIN CẢM ƠN DOERTHE BUEHMANN ĐÃ GIÚP NGHIÊN CỨU TÀI LIỆU CƠ BẢN.

# Lời nói đầu

Giáo dục cho mọi người có nghĩa là giáo dục có chất lượng cho tất cả mọi người. Trong thế giới ngày nay, điều này có nghĩa là xem xét tất cả những bối cảnh tồn tại của các ngôn ngữ và văn hóa khác nhau trong xã hội ngày nay. Những vấn đề này đặt ra sự thách thức đối với các nhà hoạch định chính sách có liên quan tới việc đảm bảo chất lượng của chuẩn mực đặc trưng đối với tất cả người dân của đất nước, nhưng đồng thời bảo vệ quyền có khác biệt của những ngôn ngữ đặc biệt và của những nhóm người thiểu số. Được khích lệ mạnh mẽ bởi kiến thức về kĩ thuật số, các nền kinh tế và xã hội ngày càng toàn cầu hóa làm cho những thách thức này đặc biệt phức tạp. UNESCO cam kết mạnh mẽ đối với giá trị kế thừa của sự đa dạng văn hóa và sự cần thiết duy trì nó. Thêm vào đó, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy rằng người học có thể đạt được thành tích tốt nhất nếu học bằng tiếng mẹ đẻ và đó chính là sự mở đầu cũng như sự hoàn thiện các cách tiếp cận giáo dục đa ngôn ngữ.

Tài liệu *Giáo dục trong một thế giới đa ngôn ngữ* nhằm làm sáng tỏ một số khái niệm cơ bản và những vấn đề xung quanh cuộc thảo luận vấn đề này và trình bày một cách tổng hợp và đơn giản hóa nhiều tuyên bố và khuyến cáo để tham khảo về những vấn đề ngôn ngữ và giáo dục. Đây là những hướng dẫn và nguyên tắc của UNESCO. Đây cũng là kết quả của cuộc đối thoại và thảo luận tại nhiều hội nghị quốc tế, hội nghị của Liên Hợp quốc cũng như UNESCO và của kĩ năng phổ biến trên thế giới về chính sách ngôn ngữ và giáo dục. Cuộc họp nhóm chuyên gia tại Pari tháng 9 năm 2002 đã làm phong phú thêm bản tài liệu gốc để khai thác hơn nữa vai trò của UNESCO trong lĩnh vực này.

Chúng tôi hy vọng rằng tài liệu này sẽ góp phần định hướng tư duy của các nước thành viên trên toàn thế giới về vấn đề ngôn ngữ và giáo dục. Chúng tôi cũng khuyến khích dịch tài liệu này sang càng nhiều ngôn ngữ càng tốt.

\* Xin cảm ơn Ủy ban quốc gia UNESCO của Phần Lan đã ủng hộ tài chính cho Hội nghị này.

# Lời giới thiệu

UNESCO có vai trò quan trọng trong việc đưa ra các khuôn khổ quốc tế về chính sách giáo dục và thực tiễn về những vấn đề then chốt và phức tạp. Đặc biệt, ngôn ngữ và việc chọn ngôn ngữ giảng dạy trong giáo dục là một mối quan tâm của UNESCO và nó thường viện dẫn những lập trường sâu sắc và đối lập nhau. Những vấn đề về bản sắc, dân tộc, quyền lực gắn bó chặt chẽ với nhau qua việc sử dụng ngôn ngữ cụ thể trong lớp học. Hơn nữa, bản thân ngôn ngữ có sự năng động của nó và thường trải qua một quá trình liên tục và biến đổi không ngừng, tác động tới thể thức giao tiếp của các xã hội khác nhau. Các nhà hoạch định chính sách giáo dục thường gặp khó khăn trong việc đưa ra quyết định về các ngôn ngữ, dạy học và chương trình học vì các vấn đề kĩ thuật và chính trị thường chông chéo nhau. Trong khi có những tranh luận mạnh mẽ mang tính giáo dục ủng hộ việc dạy học bằng tiếng mẹ đẻ (hoặc ngôn ngữ thứ nhất), cũng cần phải chú ý đến sự cân bằng giữa việc tạo thuận lợi cho người dân sử dụng các ngôn ngữ bản địa trong học tập và thông qua giáo dục tạo cơ hội cho họ tiếp cận với các ngôn ngữ giao tiếp toàn cầu. Vì vậy, mục đích của tài liệu thể hiện quan điểm này là nhằm xem xét một số vấn đề trung tâm của ngôn ngữ và giáo dục và cung cấp những hướng dẫn và các nguyên tắc liên quan. Chúng tôi làm như vậy với ý thức về sự cần thiết phải có một tuyên bố rõ ràng về chính sách ngôn ngữ liên quan tới giáo dục, đặc biệt trong bối cảnh của Giáo dục cho mọi người và theo những mục tiêu của Hội nghị Dakar nhằm đảm bảo rằng đến năm 2015 tất cả trẻ em được tiếp cận một nền giáo dục tiểu học có chất lượng và rằng tăng thêm 50% số người lớn biết chữ vào năm 2015.

Năm 1953, UNESCO đã xuất bản báo cáo của chuyên gia về *Sử dụng tiếng bản địa trong giáo dục* và đây là tài liệu thường hay được đề cập nhất của UNESCO khi nói tới các vấn đề ngôn ngữ trong giáo dục. Tuy nhiên, trong 50 năm qua, đã có những thay đổi đáng kể, những biến đổi chính trị sâu sắc đưa tới những chính sách ngôn ngữ mới, đặc biệt ở những nước vừa mới thoát khỏi chế độ thực dân và giành được độc lập; hàng trăm ngôn ngữ đã biến mất trên toàn thế giới và nhiều ngôn ngữ khác cũng đang có nguy cơ biến mất; làn sóng di cư trên quy mô lớn đã mang những ngôn ngữ mới và đa dạng tới các nước và các châu lục khác; mạng in-tơ-net đã tác động rất nhiều tới cách thức sử dụng một ngôn ngữ và các ngôn ngữ để giao tiếp và ngay cả trong học tập; sự đẩy nhanh toàn cầu hóa thách thức mạnh mẽ sự tiếp tục tồn tại của nhiều thực thể bản địa nhỏ bé thường dựa trên cơ sở ngôn ngữ. Vì thế,

đã đến lúc để UNESCO xem lại quan điểm của mình về các ngôn ngữ và giáo dục.

Tài liệu thể hiện quan điểm này chia thành 3 phần riêng biệt. Ở Phần I, chúng tôi trình bày những khái niệm cơ bản liên quan tới giáo dục đa ngôn ngữ với mục đích làm rõ một loạt nghĩa và từ vựng liên quan tới các ngôn ngữ và giáo dục. Ở Phần II, chúng tôi trình bày bản tổng hợp về khuôn khổ chuẩn mực áp dụng cho các ngôn ngữ và giáo dục dựa trên cơ sở, thứ nhất bản phân tích các công cụ quy định tiêu chuẩn của Liên Hợp quốc; thứ hai, cuộc thảo luận về các công ước và tuyên bố cụ thể của UNESCO để tham khảo về các vấn đề ngôn ngữ và văn hóa; và thứ ba, những kết luận và khuyến cáo của các hội nghị quốc tế trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan tới các vấn đề ngôn ngữ và giáo dục. Phần III của tài liệu này cung cấp cho ta một bản tổng hợp các cuộc thảo luận và thỏa thuận về vấn đề ngôn ngữ đã được thông qua dưới sự bảo trợ của cả Liên Hợp quốc và UNESCO. Tất cả những nội dung này được gói gọn vào trong một bộ tài liệu hướng dẫn và những nguyên tắc nhằm mục đích làm rõ quan điểm của UNESCO và phân phát rộng rãi hơn một hình mẫu thiết kế để truy cập hơn.



BỐI CẢNH  
ĐA NGÔN  
NHỮNG TH  
ĐỐI VỚI  
HỆ THỐNG

NGỮ:  
ÁCH THỨC  
GIÁO DỤC

Ở nhiều nước trên thế giới, hoạt động giáo dục diễn ra trong khung cảnh đa ngôn ngữ. Hầu như tất cả các xã hội đa ngôn ngữ đã xây dựng một đặc tính thể hiện sự cân bằng và tôn trọng đối với việc sử dụng các ngôn ngữ khác nhau trong sinh hoạt hàng ngày. Từ góc độ nhìn nhận của các xã hội này và ngôn ngữ của chính các cộng đồng đó, chủ trương đa ngôn ngữ biểu hiện ở lối sống nhiều hơn là một vấn đề cần giải quyết. Sự thách thức đối với các hệ thống giáo dục là việc thích ứng với những thực tế phức tạp này và cung cấp một nền giáo dục có chất lượng mà trong đó có tính tới nhu cầu của người học, đồng thời cân bằng những nhu cầu đó với những đòi hỏi của xã hội, văn hoá và chính trị. Trong khi những giải pháp mang tính đồng bộ được áp dụng cho những xã hội đa dạng, có thể đơn giản hơn cả về mặt quản lí cũng như hành chính, nhưng đồng thời những giải pháp này cũng xem nhẹ nguy cơ đối với cả thành tích học tập cũng như mất đi sự đa dạng ngôn ngữ và văn hóa. Trong phần này của tài liệu, chúng tôi sẽ luận bàn một số vấn đề cơ bản về việc cung cấp giáo dục trong bối cảnh đa dạng về ngôn ngữ.

## → Sự đa dạng về ngôn ngữ và chủ trương đa ngôn ngữ

**Sự đa dạng về ngôn ngữ** được phản ánh bởi sự tồn tại nhiều ngôn ngữ nói trên thế giới mà theo ước tính vào khoảng giữa 6.000 và 7.000 ngôn ngữ. Ngày nay, bảo tồn sự đa dạng này là một trong những thách thức cấp bách nhất đối với thế giới của chúng ta. Theo ước tính, ít nhất khoảng một nửa số ngôn ngữ đó đang có nguy cơ biến mất trong những năm tới.<sup>1</sup> Trong khi một số nước chỉ có một ngôn ngữ, ví dụ như Băng Đảo, thì nhiều nước và khu vực rất giàu tính đa dạng ngôn ngữ, ví dụ như Indônêxia có hơn 700 thổ ngữ và Pa pua Niu Gui nê có hơn 800 thổ ngữ.<sup>2</sup> Sự phân bố thực tại về đa dạng ngôn ngữ không đồng đều. Hơn 70% của tất cả thổ ngữ trên thế giới là ở 20 nước, trong đó có một số nước nghèo nhất thế giới. Tuy nhiên, nhìn chung trong bối cảnh hai ngôn ngữ và đa ngôn ngữ, tức là có những nhóm ngôn ngữ khác nhau tồn tại trong cùng một nước, thì đây là một chuẩn hơn là một trường hợp ngoại lệ trên thế giới, ở cả phương Bắc cũng như phương Nam.

**Chủ trương hai ngôn ngữ và đa ngôn ngữ** là việc sử dụng nhiều hơn một ngôn ngữ trong cuộc sống hàng ngày và là thói quen bình thường trong những điều kiện như vậy. Những ngữ cảnh đa dạng bao hàm một loạt những kịch bản. Tuy nhiên, nói một cách rộng rãi, những văn cảnh này phù hợp với những tình huống mang tính truyền thống đa dạng hơn ở những nơi mà một số, hoặc thậm chí có tới hàng trăm, ngôn ngữ giao tiếp được sử dụng ở một khu vực trong thời gian dài, hoặc với những

diễn biến mới đây nhất (đặc biệt những khu tập trung dân cư ở thành phố, kết quả của hiện tượng di dân làm cho sinh viên của các trường học ở thành phố có tới 30 hoặc 40 thứ tiếng mẹ đẻ. Trong tất cả các trường hợp, cần xem xét tới các nhu cầu học tập cụ thể của trẻ em đối với một ngôn ngữ hoặc nhiều ngôn ngữ ở nhà và ở trường học.

## → Các ngôn ngữ thiểu số và đa số

Bản thân khái niệm đa dạng ngôn ngữ chỉ là tương đối và thường được xem xét trong khuôn khổ của biên giới quốc gia. Việc cho một số ngôn ngữ này quy chế đa số và cho một số ngôn ngữ khác quy chế thiểu số tùy thuộc vào các bối cảnh cụ thể của nước đó. Ví dụ tiếng Hán là một trong những ngôn ngữ nói nhiều trên thế giới với khoảng gần 900 triệu người sử dụng. Nó là **ngôn ngữ đa số** ở Trung Quốc, nhưng ở nước mà văn hóa và tiếng Hán chỉ là một bộ phận của dân cư thì nó lại là ngôn ngữ thiểu số so với các dân tộc khác hoặc ngôn ngữ đa số khác ở các nước đó. Cũng tương tự như vậy, **ngôn ngữ thiểu số** ở một nước lớn có thể được coi là ngôn ngữ đa số ở một nước nhỏ hơn. Tuy nhiên, hầu hết các ngôn ngữ của thế giới, kể cả những ngôn ngữ bằng kí hiệu cho người điếc và ngôn ngữ **braille** cho người mù là các ngôn ngữ thiểu số trong văn cảnh của nhiều quốc gia. Mặc dù vậy, từ “thiểu số” thường thường rất mơ hồ và có thể hiểu theo những cách khác nhau tùy theo ngữ cảnh cụ thể bởi vì nó có thể hàm chỉ cả góc độ số lượng và xã hội hoặc chính trị. Trong một vài trường hợp, có thể sử dụng giản đơn như là uyển ngữ chỉ những nhóm tộc phụ thuộc hoặc không ưu tú của một xã hội cho dù họ chiếm đa số hoặc thiểu số về số lượng so với một số nhóm tộc khác chiếm vị trí bao trùm về chính trị và xã hội.

## → Các ngôn ngữ chính thức và quốc ngữ

Mặc dù có trên 20 nước sử dụng từ 2 **ngôn ngữ chính thức** trở lên (ví dụ, riêng Ấn Độ có 19 ngôn ngữ chính thức, trong khi đó Nam Phi có 11 ngôn ngữ chính thức), trong khi đa số các nước trên thế giới là những quốc gia chỉ có một ngôn ngữ chính thức được công nhận trên thực tế trong công sở và tư pháp. Điều đó không có nghĩa là các nước đó không phải là những xã hội đa ngôn ngữ hoặc lưỡng ngôn ngữ, mà rất có thể là nhiều ngôn ngữ được sử dụng rộng rãi ở một nước và không nhất thiết phải có một ngôn ngữ chính thức về mặt pháp lí. Nhiều nước dưới chế độ thực dân trước đây, có xu hướng ngôn ngữ chính thức là ngôn ngữ của những tầng lớp thực dân. Ngoài các ngôn ngữ chính thức, vài nước còn công nhận các quốc ngữ và có thể bắt buộc sử dụng trong trường học. Lựa chọn ngôn ngữ cho hệ thống giáo dục là trao quyền sử dụng bằng chỉ thị chính thức. Đây không chỉ là khía cạnh

tượng trưng khi đề cập tới quy chế và tầm nhìn, mà còn là khía cạnh thuộc về khái niệm khi đề cập tới những giá trị chung và cách nhìn của thế giới thông qua và trong ngôn ngữ đó.

## → Ngôn ngữ để dạy học

**Ngôn ngữ để dạy** ở trong hoặc ngoài trường học là ngôn ngữ được sử dụng để dạy học theo chương trình cơ bản của hệ thống giáo dục. Chọn một ngôn ngữ hoặc thực chất nhiều ngôn ngữ, để dạy học (trong chính sách giáo dục có thể khuyến cáo sử dụng một số ngôn ngữ để dạy học) là một sự thách thức thường xuyên trong quá trình phát triển giáo dục có chất lượng. Trong khi một số nước có khuynh hướng sử dụng một ngôn ngữ trong dạy học, thường là ngôn ngữ chính thức hoặc ngôn ngữ đa số, các nước khác lựa chọn sử dụng các chiến lược giáo dục coi trọng vị trí của quốc ngữ hoặc thổ ngữ trong dạy học. Những người nói tiếng mẹ đẻ mà không phải là quốc ngữ hoặc thổ ngữ thường gặp phải những bất lợi đáng kể trong hệ thống giáo dục, tương tự như gặp khó khăn khi nghe giảng dạy bằng một ngôn ngữ chính thức của nước ngoài.

## → Dạy học bằng tiếng mẹ đẻ

Dạy học bằng **tiếng mẹ đẻ** thường đề cập tới việc sử dụng tiếng mẹ đẻ của người học làm phương tiện giảng dạy. Ngoài ra, nó có thể đề cập tới tiếng mẹ đẻ như là một môn học. Tiếng mẹ đẻ được coi như là một bộ phận cấu thành quan trọng của giáo dục có chất lượng, đặc biệt trong những năm đầu tiên. Các chuyên gia nhìn nhận rằng dạy học bằng tiếng mẹ đẻ phải bảo đảm cả hai khía cạnh *dạy tiếng mẹ đẻ* và *dạy bằng tiếng mẹ đẻ*.

Mặc dầu được sử dụng rộng rãi, thuật ngữ tiếng mẹ đẻ có thể đề cập tới những tình huống khác nhau. Những định nghĩa của từ đó thường bao gồm những thành tố sau: ngôn ngữ hoặc những ngôn ngữ người ta học đầu tiên; ngôn ngữ hoặc những ngôn ngữ để phân biệt hoặc để người khác phân biệt là người chính gốc; ngôn ngữ hoặc những ngôn ngữ người ta biết nhiều nhất và ngôn ngữ hoặc những ngôn ngữ người ta dùng nhiều nhất. Tiếng mẹ đẻ còn có thể sử dụng để chỉ ngôn ngữ thứ nhất hoặc ngôn ngữ đầu tiên. Thuật ngữ tiếng mẹ đẻ thường hay được sử dụng trong các tuyên bố về chính sách và trong các bài diễn văn chung về các vấn đề giáo dục. Vì lí do đó mà nó vẫn được sử dụng trong tài liệu này, mặc dầu cần chú ý rằng sử dụng thuật ngữ tiếng mẹ đẻ thường không phân biệt được tất cả các biến thể của một ngôn ngữ mà người dân bản xứ sử dụng, từ những sự đa dạng ngôn ngữ trong nội địa, tới những ngôn ngữ tiêu chuẩn ở thành phố được sử dụng như là

tiếng mẹ đẻ ở nhà trường. Những kinh nghiệm đầu tiên của đứa trẻ nói tiếng bản địa không nhất thiết giống như ngôn ngữ gọi là tiếng mẹ đẻ ở các trường chính quy.

Nhưng một điều rõ ràng là chân lí hiển nhiên nhưng chưa được thừa nhận chung học bằng một ngôn ngữ mà không phải là ngôn ngữ của bản thân mình thì gặp phải những thách thức tăng lên gấp bội. Nó không phải chỉ là thách thức trong việc học một ngôn ngữ mới mà còn là thách thức trong việc học những kiến thức chứa đựng trong ngôn ngữ đó. Những thách thức này có thể trở nên tồi tệ hơn trong trường hợp những nhóm tộc nhất định đã ở trong những tình huống khó khăn hoặc căng thẳng như những người mù chữ, các dân tộc thiểu số và những người tị nạn. Xem xét tới vấn đề giới xuyên suốt các tình huống khó khăn trong giáo dục, vì trẻ em gái và phụ nữ có thể ở vào vị thế đặc biệt khó khăn. Ở hầu hết các xã hội truyền thống, trẻ em gái và phụ nữ có xu hướng chỉ biết một ngôn ngữ, ít được học hành, hưởng lương ít, hoặc ít được học tiếng quốc ngữ so với chồng, con hoặc anh em.

Các nghiên cứu đã cho thấy rằng trong nhiều trường hợp **dạy bằng tiếng mẹ đẻ** có lợi cho năng lực về ngôn ngữ ở ngôn ngữ thứ nhất, kết quả học tập ở những môn học khác và học ngôn ngữ thứ hai.<sup>3</sup> Tuy nhiên việc áp dụng nguyên tắc dạy bằng tiếng mẹ đẻ còn lâu mới trở thành quy định. Một số khó khăn gặp phải khi sử dụng tiếng mẹ đẻ làm ngôn ngữ dạy học có thể như sau:

- đôi khi tiếng mẹ đẻ không phải là một ngôn ngữ viết;
- đôi khi ngôn ngữ đó chưa được công nhận chung là một ngôn ngữ hợp pháp;
- từ ngữ thích hợp cho các mục đích giáo dục có thể còn phải phát triển thêm;
- có thể còn thiếu rất nhiều học liệu bằng ngôn ngữ đó;
- tình trạng nhiều ngôn ngữ có thể gây thêm khó khăn cho việc dạy học ở mỗi tiếng mẹ đẻ;
- có thể còn thiếu giáo viên được đào tạo một cách thích hợp;
- sinh viên, phụ huynh học sinh và giáo viên có thể phản đối việc dạy học bằng tiếng mẹ đẻ.

## → Các quyền về ngôn ngữ

Ngôn ngữ không chỉ là một công cụ giao tiếp và kiến thức mà còn là một thuộc tính cơ bản của bản sắc văn hóa và giao quyền cho cả cá nhân và nhóm tộc. Vì thế, tôn trọng các ngôn ngữ của những người thuộc các cộng đồng ngôn ngữ khác nhau là quan trọng đối với sự chung sống hòa bình. Điều này áp dụng với cả hai nhóm thiểu số, đa số (cho dù đã cư trú lâu năm ở một nước hoặc mới di cư sang) và với cả người dân bản địa.

Đòi hỏi về ngôn ngữ là những quyền đầu tiên mà những tộc người thiểu số đã lên tiếng khi xảy ra biến cố chính trị và sự tiến triển. Những đòi hỏi về các quyền ngôn ngữ như vậy biến đổi từ quy chế hợp pháp và chính thức của dân tộc thiểu số và ngôn ngữ bản địa đến việc dạy ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ trong trường học và ở các cơ quan khác cũng như trên phương tiện truyền thông. Trong giáo dục, **các quyền về ngôn ngữ** đã được hình thành trong các thoả thuận quốc tế<sup>4</sup> đối với các nhóm tộc thiểu số và bản địa như sau:

- dạy học bằng những ngôn ngữ của họ, nếu họ muốn.
- tiếp cận với các ngôn ngữ của cộng đồng đông dân cư hơn và với ngôn ngữ của các hệ thống giáo dục quốc gia.
- giáo dục liên văn hoá nhằm thúc đẩy thái độ tích cực đối với các ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số và bản địa và văn hoá của họ.
- tiếp cận với các ngôn ngữ quốc tế.

Các quyền về giáo dục đã được hình thành trong các thoả thuận quốc tế dành cho người lao động nhập cư và các thành viên trong gia đình họ<sup>5</sup> quy định như sau:

- cần tạo điều kiện dễ dàng cho con em người lao động nhập cư bằng việc dạy ngôn ngữ đang sử dụng trong hệ thống giáo dục của mình.
- cần tạo cơ hội cho người lao động nhập cư bằng việc dạy cho con em họ ngôn ngữ và văn hóa của họ.

## → Dạy ngôn ngữ

Ngôn ngữ dạy trong nhà trường là phương tiện giao tiếp để truyền đạt kiến thức. Điều này khác với chính việc **dạy ngôn ngữ**. Trong dạy ngôn ngữ, ngữ pháp, từ vựng, các loại hình viết và nói của ngôn ngữ tạo thành một chương trình học tập cụ thể để tiếp thụ được một ngôn ngữ thứ hai, ngoài tiếng mẹ đẻ của mình. Học thêm một ngôn ngữ khác mở ra khả năng tiếp cận với những hệ thống giá trị khác và những cách thức nhìn nhận thế giới, khuyến khích sự hiểu biết liên văn hóa và giúp giảm bớt tính bài ngoại. Điều này áp dụng đồng đều với tất cả những người nói ngôn ngữ thiểu số và đa số.

Phương pháp dạy ngôn ngữ không ngừng biến đổi và có thể thay đổi đáng kể từ nước này sang nước khác hoặc thậm chí trong cùng một nước. Nhiều điều tùy thuộc vào khái niệm phổ biến của ngôn ngữ và các mô hình dạy ngôn ngữ cũng như vai trò của ngôn ngữ được dạy.

## → Giáo dục bằng hai ngôn ngữ và đa ngôn ngữ

**Giáo dục bằng hai ngôn ngữ và đa ngôn ngữ** là việc sử dụng hai ngôn ngữ hoặc nhiều hơn làm phương tiện dạy học. Trong nhiều tài liệu chuyên môn, hai loại hình giáo dục ngôn ngữ này gộp thành một nhóm gọi là giáo dục bằng hai ngôn ngữ. Tuy vậy, UNESCO đã thông qua từ giáo dục đa ngôn ngữ trong Nghị quyết 12 của Đại Hội đồng UNESCO năm 1999 đề cập tới việc sử dụng ít nhất 3 ngôn ngữ, đó là tiếng mẹ đẻ, một ngôn ngữ khu vực hoặc quốc ngữ và một ngôn ngữ quốc tế trong giáo dục.<sup>6</sup> Nghị quyết này ủng hộ quan điểm cho rằng những nhu cầu tham gia ở quốc gia và quốc tế và các yêu cầu đặc biệt cụ thể, các cộng đồng khác biệt về ngôn ngữ và văn hoá chỉ có thể tiếp thu được sự giáo dục bằng đa ngôn ngữ. Ở những nơi mà ngôn ngữ của người học không phải là ngôn ngữ chính thức hoặc quốc ngữ của đất nước, giáo dục bằng hai ngôn ngữ và đa ngôn ngữ có thể tạo thuận lợi hơn cho giảng dạy bằng tiếng mẹ đẻ, nhưng đồng thời cũng giúp tiếp thu được những ngôn ngữ sử dụng ở những khu vực rộng lớn hơn của đất nước và thế giới. Cách tiếp cận theo kiểu kết dính với chủ trương hai ngôn ngữ nhằm mục đích đưa trẻ em tới ngôn ngữ thứ hai và coi như là một ngôn ngữ giảng dạy khác.



KHUÔN  
QUY PH  
NGÔN  
VÀ GIÁ

KHỔ  
AM VỀ  
NGŨ  
O DỤC

Vị thế và vai trò của ngôn ngữ trên trường quốc tế đã là chủ đề của vô số các tuyên bố, khuyến nghị và thoả thuận. Trong đó một số đặc biệt liên quan tới cuộc thảo luận về ngôn ngữ và giáo dục. Chúng tôi bắt đầu bằng việc đặt cuộc thảo luận về ngôn ngữ vào trong khuôn khổ các thoả thuận và các văn kiện quy định chuẩn mực và tiếp tục tham khảo thêm quyền hạn và nhiệm vụ của UNESCO ở cấp độ quốc tế. Ngoài ra còn xem xét tới các tuyên bố và khuyến nghị của các cuộc Hội nghị liên chính phủ. Để phục vụ cho mục đích của tài liệu thể hiện quan điểm của UNESCO, chúng tôi chỉ xem xét những thoả thuận mang tính quốc tế.<sup>7</sup>

Mục đích trình bày khuôn khổ theo cách này là nhằm minh chứng cho sự nhất trí quốc tế rộng rãi về vấn đề ngôn ngữ và tầm quan trọng của nó trong hệ thống giáo dục, trước khi chuyển sang trình bày Phần III: Hướng dẫn của UNESCO về Ngôn ngữ và Giáo dục.

## A. Các quy định chuẩn mực của Liên Hợp quốc

Như là một văn kiện quy định chuẩn mực cơ bản **Tuyên ngôn toàn cầu về Quyền con người** công bố năm 1948 đưa ra nguyên tắc cơ bản chống phân biệt đối xử vì những lí do ngôn ngữ: Điều 2.: Mọi người được quyền thụ hưởng tất cả các quyền và tự do trong tuyên ngôn này, không có sự phân biệt đối xử dưới bất kì hình thức nào, như là lí do...ngôn ngữ.

Hơn nữa, các quyền của những người thuộc các dân tộc thiểu số được xác lập trong **Hiệp ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị** năm 1966 và **Tuyên bố về các quyền của những người thuộc các nhóm tộc thiểu số về ngôn ngữ và tôn giáo** năm 1992. Trong khi đó, Điều 27 của Hiệp ước quốc tế đề cập chung hơn tới quyền của người thiểu số 'sử dụng ngôn ngữ riêng của dân tộc mình ...trong giao tiếp với các thành viên khác của cùng nhóm tộc'. Tuyên bố này rõ ràng có liên quan tới vấn đề ngôn ngữ trong lĩnh vực giáo dục vì nó đề ra trong Điều 4 rằng 'những người thuộc các dân tộc thiểu số phải có đầy đủ các cơ hội để học tiếng mẹ đẻ hoặc được dạy bằng tiếng mẹ đẻ và rằng phải có các biện pháp khuyến khích hiểu biết về... ngôn ngữ và văn hóa của các dân tộc thiểu số'.

**Công ước 169 về những người bản địa và bộ tộc ở các quốc gia độc lập** của Tổ chức Lao động Quốc tế năm 1989 cũng đề cập tới các quyền của những người bản địa. Điều 28 đòi hỏi 'ở những nơi có thể áp dụng được, trẻ em thuộc những người liên quan sẽ được dạy đọc và viết bằng ngôn ngữ bản địa của họ hoặc bằng ngôn ngữ thông dụng nhất của nhóm họ' và 'phải có đầy đủ các biện pháp để đảm bảo rằng những người này có cơ hội để đạt được đọc thông viết thạo bằng ngôn ngữ dân tộc hoặc một trong những ngôn ngữ chính thức của đất nước'. Đồng thời Điều 28 cũng quy định rằng 'phải có các biện pháp để bảo tồn và thúc đẩy phát triển và luyện tập các ngôn ngữ bản địa của những người liên quan'.

Đối với kiều dân nước ngoài, **Tuyên bố về Quyền con người của những cá nhân không phải là kiều dân của nước họ đang sinh sống** năm 1985 quy định trong Điều 5 rằng 'Kiều dân nước ngoài sẽ được quyền duy trì truyền thống, văn hóa và ngôn ngữ của mình'. **Công ước quốc tế về bảo vệ các quyền của tất cả người lao động di cư và thành viên trong gia đình** năm 1990 quy định rằng 'Nhà nước sử dụng lao động cần theo đuổi một chính sách ...nhằm tạo dễ dàng cho sự hòa nhập của con em những người lao động nhập cư vào hệ thống trường học ở địa phương, đặc biệt dạy cho chúng ngôn ngữ địa phương', và dạy tiếng mẹ đẻ cũng như văn hóa của chúng; thêm vào đó 'Nhà nước có thể đưa ra những kế hoạch đặc biệt về giáo dục cho con em người lao động nhập cư bằng tiếng mẹ đẻ của chúng' ( Điều 45 ).

**Công ước về Quyền trẻ em năm 1989** cũng làm rõ một khía cạnh khác của vấn đề ngôn ngữ trong giáo dục. Nó nhấn mạnh rằng ngôn ngữ cũng cần được xem xét như là một giá trị của giáo dục. Điều 29 xác lập rằng 'Hướng giáo dục trẻ em vào việc phát triển sự tôn trọng bản sắc, ngôn ngữ và các giá trị của trẻ'.

## B. Các Tuyên bố và Công ước của UNESCO

Với nhiệm vụ của mình, UNESCO buộc phải xem xét các vấn đề ngôn ngữ. Với ý nghĩa này, Điều 1 trong **Hiến chương của UNESCO** quy định một nguyên tắc cơ bản là không được có bất kỳ hình thức phân biệt đối xử nào do ngôn ngữ: 'Khẳng định các quyền con người và các

do cơ bản... đối với các dân tộc trên thế giới, không phân biệt chủng tộc, giới, ngôn ngữ hoặc tôn giáo'.

Cụ thể hơn đối với giáo dục, **Công ước chống phân biệt đối xử trong giáo dục** năm 1960 quy định các quyền thụ hưởng giáo dục của những người thiểu số. Điều 5 có liên quan đặc biệt tới vai trò riêng biệt của tiếng mẹ đẻ và của ngôn ngữ đa số với định nghĩa như sau: 'Những thành viên của các tộc người thiểu số (có quyền) thực hiện các hoạt động riêng của mình, kể cả ...sử dụng hoặc giảng dạy ngôn ngữ của chính họ, với điều kiện ...là không được sử dụng các quyền này để ngăn cản các thành viên của tộc người thiểu số này hiểu biết văn hóa và ngôn ngữ của cả cộng đồng và tham gia vào các hoạt động của mình'.

**Khuyến nghị về phát triển giáo dục người lớn** năm 1976 củng cố thêm vai trò của tiếng mẹ đẻ vì nó khuyến cáo một cách rõ ràng việc dạy bằng tiếng mẹ đẻ và chấp nhận một cách nhìn rộng rãi hơn về việc học ngôn ngữ: Điều 22 'liên quan đến tộc người thiểu số, các hoạt động giáo dục người lớn phải tạo điều kiện cho họ tự đào tạo mình và con cái của mình bằng tiếng mẹ đẻ, phát triển văn hóa của chính bản thân mình và học các ngôn ngữ khác ngoài tiếng mẹ đẻ'.

Vai trò của tiếng mẹ đẻ cũng được đề cập tới trong **Tuyên ngôn về chủng tộc và phân biệt chủng tộc** năm 1978 trong đó Điều 9 khuyến cáo phải có các biện pháp tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ em của các nhóm người gốc nước ngoài được dạy bằng tiếng mẹ đẻ.

**Tuyên ngôn và Khuôn khổ tích hợp hành động về giáo dục hòa bình, quyền con người và dân chủ** thúc đẩy học ngoại ngữ ( Điều 19) và tôn trọng các quyền về giáo dục của những người thiểu số cũng như những người bản địa để tăng cường hiểu biết giữa các cộng đồng và các dân tộc ( Điều 29 ).

Tương tự như vậy, **Tuyên ngôn toàn cầu về Đa dạng văn hóa** thông qua năm 2001 đề cập tới tầm quan trọng của các ngôn ngữ trong việc thúc đẩy đa dạng văn hóa. Điều 6 của Kế hoạch hành động nhằm thực hiện tuyên ngôn trên đã xác lập vai trò của các ngôn ngữ trong giáo dục, kể cả việc tôn trọng tiếng mẹ đẻ, sự đa dạng ngôn ngữ ở tất cả các bậc giáo dục và thúc đẩy chủ trương đa ngôn ngữ ngay từ lúc khởi đầu đi học.

## C. Kết quả của các Hội nghị quốc tế

Trong những năm qua, nhiều Hội nghị cấp cao đã được tổ chức dưới sự bảo trợ của Liên Hợp quốc và theo cách lập luận mang tính liên chính phủ đã ghi nhận tầm quan trọng của các ngôn ngữ. Một ví dụ về trường hợp này là **Tuyên bố Bắc Kinh và Chương trình hành động** thông qua 1995 tại Hội nghị Phụ nữ thế giới lần thứ 4 khẳng định nguyên tắc bình đẳng tiếp cận giáo dục mà chỉ có thể đạt được bằng việc loại bỏ 'sự phân biệt đối xử trong giáo dục ở tất cả các bậc học vì lí do...ngôn ngữ.

Dạy bằng tiếng mẹ đẻ dường như là vấn đề diễn ra hàng ngày. **Tuyên bố New Dehli và Khuôn khổ hành động** của Hội nghị cấp cao về Giáo dục cho Mọi người năm 1993 đã thông qua một lập trường rõ ràng về vấn đề dạy bằng tiếng mẹ đẻ, theo hướng ủng hộ 'dạy bằng tiếng mẹ đẻ ngay từ khi bắt đầu đến trường, cho dù trong một vài trường hợp, sau này sinh viên cần phải học quốc ngữ hoặc ngôn ngữ được sử dụng rộng rãi hơn, nếu họ muốn tham gia một cách có hiệu quả vào một xã hội rộng lớn hơn'. Sự cần thiết công nhận vai trò quan trọng của tiếng mẹ đẻ ngay từ giai đoạn dạy học ban đầu cũng được khẳng định trong **Tuyên bố Amman** năm 1996. Đây là Thông cáo cuối cùng của Phiên họp giữa Thập kỷ của Diễn đàn tư vấn quốc tế về Giáo dục cho Mọi người.

**Tuyên bố Hamburg về Giáo dục người lớn** được thông qua tại Hội nghị quốc tế lần thứ 5 về Giáo dục người lớn cũng đề cập tới tầm quan trọng của vấn đề nhóm tộc người thiểu số và người bản địa và đưa ra kiến nghị 'cần tôn trọng và thực hiện quyền được học tập bằng tiếng mẹ đẻ' (Điều 15). Hội nghị thế giới về quyền con người năm 1993 đã thông qua **Tuyên bố Vienna và Chương trình hành động** đề cập chung trong Mục 1, Đoạn 19 rằng 'những người thiểu số có quyền tự do sử dụng ngôn ngữ riêng của tộc mình trong việc riêng cũng như trong công chúng, không có bất kì hình thức phân biệt đối xử nào'.

Năm 1998, **Tuyên bố thế giới về Giáo dục bậc cao của thế kỉ 21: Tầm nhìn và Hành động** cũng nêu ra tầm quan trọng của chủ trương đa ngôn ngữ ở giáo dục bậc cao: Để thúc đẩy sự hiểu biết quốc tế 'cần phải coi việc thực hiện chủ trương đa ngôn ngữ, các chương trình trao đổi giữa các khoa và sinh viên là một bộ phận cấu thành của tất cả các hệ thống giáo dục bậc cao' (Điều 15).

Trong lĩnh vực ngôn ngữ và giáo dục, những báo cáo và các khuyến nghị mới đây của Hội nghị quốc tế về giáo dục (ICE) đã nhấn mạnh tầm quan trọng của:

- việc dạy bằng tiếng mẹ đẻ ngay từ khi bắt đầu giáo dục chính quy trên cơ sở xem xét các khía cạnh sư phạm, xã hội và văn hóa;<sup>8</sup>
- giáo dục đa ngôn ngữ nhằm bảo tồn bản sắc văn hóa và thúc đẩy tính linh hoạt và đối thoại;<sup>9</sup>
- coi học tiếng nước ngoài là một phần của giáo dục liên văn hóa nhằm thúc đẩy sự hiểu biết giữa các cộng đồng và giữa các dân tộc.<sup>10</sup>

HƯỚNG  
CỦA UN  
VỀ NG  
VÀ GIÁ



DẪN  
TESCO  
ON NGỮ  
O DỤC

Trong suốt những năm qua thực hiện nhiệm vụ của mình, UNESCO đã nêu ra những nguyên tắc chỉ đạo cụ thể và phổ biến ở tất cả các tài liệu, thoả thuận và khuyến nghị trong lĩnh vực giáo dục và ngôn ngữ. Điều này đã cho ra đời một bộ tài liệu hướng dẫn, thể hiện cách tiếp cận hiện nay của UNESCO đối với ngôn ngữ và giáo dục trong thế kỷ 21. Tài liệu này là nhằm tuyên bố quan điểm của các nước thành viên khác nhau của UNESCO trong cộng đồng quốc tế. Tài liệu hướng dẫn này hoàn toàn dựa trên việc hệ thống lại các tuyên bố và khuyến nghị trước đây và trình bày sự đa dạng trong tư duy về vấn đề đầy phức tạp và thách thức này.

Có thể chia thành 3 nguyên tắc cơ bản như sau:

- 1 UNESCO ủng hộ *dạy học bằng tiếng mẹ đẻ* và coi đó như là một phương tiện nâng cao chất lượng giáo dục thông qua việc xây dựng kiến thức và kinh nghiệm cho học sinh và giáo viên.
- 2 UNESCO ủng hộ giáo dục *hai ngôn ngữ và/hoặc đa ngôn ngữ* ở tất cả các cấp giáo dục và coi đó như là phương tiện nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và bình đẳng xã hội. Đây là một nhân tố then chốt của các xã hội đa dạng ngôn ngữ.
- 3 UNESCO ủng hộ việc coi ngôn ngữ là một bộ phận cấu thành quan trọng của *giáo dục liên văn hóa* để thúc đẩy hiểu biết giữa các nhóm tộc khác nhau và đảm bảo tôn trọng các quyền cơ bản.

Dưới đây là một loạt các hướng dẫn cụ thể hơn của từng nguyên tắc cơ bản trên:

# Nguyên tắc I

UNESCO ủng hộ dạy học bằng tiếng mẹ đẻ và coi đó như là một phương tiện nâng cao chất lượng giáo dục thông qua việc xây dựng kiến thức và kinh nghiệm cho học sinh và giáo viên.

**(I) Dạy bằng tiếng mẹ đẻ là quan trọng đối với giai đoạn học ban đầu<sup>12</sup> và xoá mù chữ<sup>13</sup> và càng kéo dài đến giai đoạn về sau càng tốt<sup>14</sup>, bởi vì:**

- 'mọi học sinh cần bắt đầu giáo dục chính quy bằng tiếng mẹ đẻ của mình';<sup>15</sup>

- 'những người lớn bị mù chữ cần phải theo học các lớp xoá mù chữ đầu tiên bằng tiếng mẹ đẻ của mình và tiếp tục theo học đến ngôn ngữ thứ hai nếu họ muốn và có khả năng';<sup>16</sup>

- 'nếu một địa phương có nhiều ngôn ngữ khác nhau, cần phải tìm các biện pháp và cách thức để thu xếp dạy cho các nhóm tộc người bằng tiếng mẹ đẻ của họ';<sup>17</sup>

- 'trong trường hợp không thể tránh khỏi có các nhóm tộc người hỗn hợp, thì phải sử dụng ngôn ngữ dạy học gây ra ít khó khăn nhất cho học sinh và cần giúp đỡ đặc biệt cho những học sinh không nói được ngôn ngữ giảng dạy';<sup>18</sup>

**(II) Chỉ có thể duy trì được xoá mù chữ nếu có thể cung cấp đầy đủ các tài liệu đọc cho thanh niên và người lớn cũng như cho học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường để học tập cũng như giải trí.<sup>19</sup>**

- Cần thúc đẩy xuất bản và phân phối các tài liệu dạy và học và bất kì tài liệu đọc nào khác bằng tiếng mẹ đẻ.<sup>20</sup>

**(III) Về đào tạo giáo viên và dạy bằng tiếng mẹ đẻ: 'Cần đưa vào tất cả các kế hoạch giáo dục theo từng giai đoạn việc đào tạo giáo viên và bổ túc thêm cho giáo viên và sớm cung cấp giáo viên người bản địa có đầy đủ năng lực và chất lượng, hiểu biết về cuộc sống của người dân địa phương và có thể dạy học bằng tiếng mẹ đẻ'.<sup>21</sup>**

# Nguyên tắc II

UNESCO ủng hộ giáo dục *hai ngôn ngữ và/hoặc đa ngôn ngữ* ở tất cả các cấp giáo dục<sup>22</sup> và coi đó như là phương tiện nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và bình đẳng xã hội. Đây là một nhân tố then chốt của các xã hội đa dạng ngôn ngữ.

**(I) 'Cần phải khuyến khích giao tiếp, biểu đạt và khả năng nghe và hội thoại, trước hết bằng tiếng mẹ đẻ, sau đó là ngôn ngữ chính thức (hoặc quốc ngữ), nếu tiếng mẹ đẻ khác với ngôn ngữ chính thức hoặc quốc ngữ, cũng như bằng một hoặc nhiều tiếng nước ngoài'<sup>23</sup> thông qua các biện pháp dưới đây':**

- 'sớm nắm được ngôn ngữ thứ hai ngoài tiếng mẹ đẻ';<sup>24</sup>

- dạy 'ngôn ngữ thứ hai như là một môn học'<sup>25</sup> và 'số lượng tăng dần lên'<sup>26</sup> và không được dùng ngôn ngữ thứ hai đó để giảng dạy' cho đến khi học sinh hiểu biết được đầy đủ ngôn ngữ đó'.<sup>27</sup>

- dạy thêm ngôn ngữ thứ hai ở bậc tiểu học trên cơ sở sử dụng ngôn ngữ đó làm phương tiện dạy học, và như vậy đã sử dụng hai ngôn ngữ để tiếp thụ kiến thức trong suốt quá trình học tập cho đến bậc đại học.

- học chuyên sâu và liên ngành ít nhất ngôn ngữ thứ ba ở bậc trung học, để cho khi rời ghế nhà trường học sinh có được kiến thức làm việc bằng ba ngôn ngữ. Đây là quy mô bình thường về kĩ năng ứng dụng ngôn ngữ của thế kỉ 21.<sup>28</sup>

**(II) '(Cần thúc đẩy) giao lưu quốc tế của giáo viên tiểu học và trung học để dạy các môn học ở nước khác, sử dụng các ngôn ngữ của chính các giáo viên đó để cho học sinh có thể tiếp thụ được cả kĩ năng ngôn ngữ và kiến thức'.<sup>29</sup>**

**(III) 'Cần nhấn mạnh việc xây dựng' những chính sách quốc gia mạnh mẽ 'nhằm thúc đẩy dạy ngôn ngữ qua không gian ảo (tăng cường và mở rộng) hỗ trợ quốc tế cho các nước đang phát triển, tạo thuận lợi cho việc phát triển các tài liệu về giáo dục ngôn ngữ được tự do tiếp cận bằng hình thức điện tử và tăng cường kĩ năng cơ bản của con người trong lĩnh vực này'.<sup>30</sup>**

# Nguyên tắc III

UNESCO ủng hộ việc coi ngôn ngữ là một bộ phận cấu thành quan trọng của *giáo dục liên văn hóa* để thúc đẩy hiểu biết giữa các nhóm tộc khác nhau và đảm bảo tôn trọng các quyền cơ bản.

**(I) Cần có các biện pháp 'xóa bỏ sự phân biệt đối xử trong giáo dục ở tất cả các bậc học vì lí do giới, chủng tộc, ngôn ngữ, tôn giáo, dân tộc gốc, dòng dõi hoặc tàn tật hoặc bất kì hình thức phân biệt đối xử nào'.<sup>31</sup>**

**(II) Cần tôn trọng đầy đủ quyền thụ hưởng giáo dục của người thiểu số cũng như người bản địa<sup>32</sup> thông qua các việc dưới đây:**

- thực hiện 'quyền được học bằng tiếng mẹ đẻ'<sup>33</sup> và 'áp dụng tất cả các phương pháp giảng dạy phù hợp về văn hóa trong giao tiếp và truyền đạt kiến thức';<sup>34</sup>

- không chỉ học bằng tiếng mẹ đẻ hoặc dạy bằng tiếng mẹ đẻ mà còn dạy bằng các ngôn ngữ chính thức hoặc quốc ngữ cũng như các ngôn ngữ giao tiếp quốc tế, để cho tộc người thiểu số và người bản địa có cơ hội tham gia và đóng góp cho cộng đồng.<sup>35</sup>

**(III) Giáo dục cần góp phần nâng cao nhận thức về giá trị tích cực của sự đa dạng văn hóa (và ngôn ngữ),<sup>36</sup> và để đạt mục đích đó cần:**

- cải cách chương trình học để thúc đẩy đưa lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ, bản sắc của người thiểu số (hoặc người bản địa) vào trong chương trình dạy học một cách tích cực và thực tế.<sup>37</sup>

- tăng cường thành tố văn hóa của việc dạy và học ngôn ngữ để đạt được sự hiểu biết sâu sắc hơn các nền văn hóa khác;<sup>38</sup> 'ngôn ngữ không phải là những bài tập về ngôn ngữ đơn thuần mà là những cơ hội để phản ánh các khía cạnh khác của lối sống, nghệ thuật và tập tục khác'.<sup>39</sup>

# Chú dẫn

1. Wurm, S. ( Bản năm 2001 ): **Tập bản đồ ngôn ngữ thế giới đang có nguy cơ biến mất**, UNESCO xuất bản tại Paris.
2. Grimes, B. ( Bản năm 2000 ): **Dân tộc học: Các ngôn ngữ của thế giới**. Tái bản lần thứ 14, Dallas, Texas, SIL International.
3. Điểm lại các kết quả nghiên cứu tổng hợp của Ngân hàng thế giới: Dutcher, N. hợp tác với Tucker, G.R. năm 1997: **Sử dụng các ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai trong giáo dục: Điểm lại những kinh nghiệm về giáo dục** do Vụ III Ngân hàng thế giới xuất bản tại Washington D.C.: Kết luận quan trọng của công trình nghiên cứu và kinh nghiệm trong tài liệu này là khi học tập là mục tiêu, kể cả học ngôn ngữ thứ hai, thì ngôn ngữ đầu tiên của đứa trẻ (đó là tiếng mẹ đẻ của chúng) cần được sử dụng như là phương tiện dạy học ở những năm đầu ngồi ghế nhà trường. Ngôn ngữ đầu tiên là quan trọng đối với việc dạy đọc và hiểu nội dung của môn học. Đây là cơ sở cần thiết để phát triển nhận thức, làm cơ sở cho việc tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai.  
- Xem thêm Mehrotra, S. (1998): **Giáo dục cho mọi người: Những bài học về chính sách của những nước đạt thành tích cao: Tài liệu làm việc của viên chức UNICEF do UNICEF** xuất bản tại New York, Trong trường hợp phụ huynh học sinh là người mù chữ, nếu phương tiện dạy học trên lớp bằng tiếng mẹ đẻ mà học sinh sử dụng ở nhà, thì học tập ở một môi trường nghèo nàn như vậy càng tăng thêm khó khăn và khả năng bỏ học cũng tăng lên tương ứng. Trong bối cảnh này, kinh nghiệm của những nước đạt thành tích cao là rất rõ ràng: hãy sử dụng tiếng mẹ đẻ làm phương tiện dạy học ở bậc tiểu học trong tất cả các trường hợp. Nhiều công trình nghiên cứu cho thấy rằng sinh viên học đọc bằng tiếng mẹ đẻ thì khi học đọc ngôn ngữ thứ hai cũng sẽ nhanh hơn những học sinh được dạy bằng ngôn ngữ thứ hai trước. Về kĩ năng học thuật, học sinh được dạy bằng tiếng mẹ đẻ tiếp thụ được những kĩ năng đó nhanh hơn. Cũng về vấn đề này, xem Dutcher, N.: **Mở rộng cơ hội học tập trong những xã hội đa dạng về ngôn ngữ**, do Trung tâm ngôn ngữ thực hành xuất bản tại Washington D.C. (2001).
4. **Tuyên bố Hamburg về giáo dục người lớn** do UNESCO xuất bản (1997). **Tuyên bố về các quyền của những người dân tộc hoặc người thiểu số trong tôn giáo và ngôn ngữ** (1992); **Công ước và khuyến nghị chống phân biệt đối xử trong giáo dục** (1960). 18 C/Nghị quyết 1.41: **Hợp tác với các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực giáo dục** (1974), UNESCO xuất bản. Xem thêm Chương III: Tài liệu hướng dẫn của UNESCO về ngôn ngữ và giáo dục, Nguyên tắc III.
5. **Công ước quốc tế về bảo vệ các quyền của tất cả người lao động nhập cư và thành viên gia đình** (1990).
6. 30 C/ Nghị quyết 12.: **Thực hiện chính sách ngôn ngữ của thế giới dựa trên chủ trương đa ngôn ngữ** (1999), UNESCO xuất bản.
7. Thêm vào đó, có nhiều thoả thuận và tuyên bố đề cập tới các ngôn ngữ và giáo

dục (**Tuyên bố cam kết Durban**, Hội nghị lần thứ 7 Bộ trưởng giáo dục các nước Châu Phi - 1998 ; **Tuyên bố Harare** ; Hội nghị liên chính phủ cấp Bộ trưởng về chính sách ngôn ngữ ở Châu Phi – 1997 ; Báo cáo cuối cùng của Hội nghị lần thứ 7 Bộ trưởng giáo dục các nước Mỹ La tinh và Ca-ri-bê tại Kingston, 1996).

**8. Hội nghị quốc tế về giáo dục, Phiên họp thứ 46 năm 2001:** Báo cáo cuối cùng, trang 11: Ngày càng hiển nhiên là ngôn ngữ dạy học ở giai đoạn đầu tiên của giáo dục – giai đoạn quyết định tương lai của học tập - phải là tiếng mẹ đẻ.

**9. Hội nghị quốc tế về giáo dục, Phiên họp thứ 46 năm 2001:** Báo cáo cuối cùng, trang 17: Nội dung giáo dục cần phản ánh tầm quan trọng ngày càng tăng của giao tiếp, biểu đạt và khả năng nghe và hội thoại, trước hết bằng tiếng mẹ đẻ, sau đó bằng ngôn ngữ chính thức của đất nước cũng như bằng một hoặc nhiều ngoại ngữ khác; **Hội nghị quốc tế về giáo dục, Phiên họp thứ 43 năm 1992:** Báo cáo cuối cùng, trang 20: Khi chọn ngôn ngữ dạy học, đặc biệt ở bậc giáo dục cơ bản, phải cân nhắc cả hai yếu tố hiệu quả của quá trình giáo dục và quyền của cá nhân và những nhóm tộc người thiểu số khác nhau để bảo tồn sự đa dạng văn hóa của họ mà ngôn ngữ là một trong những phương tiện quan trọng nhất.

**10. Hội nghị quốc tế về giáo dục, Phiên họp thứ 46 năm 2001:** Báo cáo cuối cùng, trang 11: Ngôn ngữ để học tập là một nhân tố then chốt để cùng chung sống; **Hội nghị quốc tế về giáo dục, Phiên họp thứ 44 năm 1994:** Báo cáo cuối cùng, trang 26: Học ngoại ngữ tạo ra một phương tiện để đạt được sự hiểu biết sâu sắc hơn các nền văn hóa khác, làm cơ sở cho việc tạo dựng sự hiểu biết hơn giữa các cộng đồng và giữa các dân tộc.

**11. Hội nghị quốc tế về giáo dục, Phiên họp thứ 46 năm 2001:** Báo cáo cuối cùng; **Diễn đàn giáo dục thế giới năm 2000:** Báo cáo cuối cùng; **Tuyên bố Dehli và Khuôn khổ hành động;** Hội nghị cấp cao giáo dục cho mọi người năm 1993; **Sử dụng các thổ ngữ trong giáo dục** do UNESCO xuất bản tại Paris năm 1953.

**12. Tuyên bố Amman 1996:** Phải công nhận vai trò quan trọng của tiếng mẹ đẻ trong dạy học ngay từ khi ngồi ghế nhà trường; **Tuyên bố New Dehli và Khuôn khổ hành động;** Hội nghị cấp cao về giáo dục cho mọi người 1993: Ở những nơi ngôn ngữ dạy học khác với tiếng mẹ đẻ của người học, thì rất có thể giai đoạn khởi đầu học tập sẽ chậm hơn và thành tích học tập sẽ thấp hơn. Vì lý do này, từ lâu các nhà giáo dục đã quảng bá về những lợi ích của việc dạy học bằng tiếng mẹ đẻ ở giai đoạn đầu ngồi ghế nhà trường ở những nơi có thể thực hiện được.

**13. Hội nghị quốc tế về giáo dục, Phiên họp thứ 42 năm 1990:** Báo cáo cuối cùng: Trong bối cảnh đa ngôn ngữ, chính sách ngôn ngữ trong xoà mù chữ cần phải được chuẩn bị một cách kĩ càng, đặc biệt ở những nơi ngôn ngữ chính thức hoặc quốc ngữ khác với các ngôn ngữ bản địa, thì cần sử dụng tiếng mẹ đẻ.

**14. Sử dụng các thổ ngữ trong giáo dục,** trang 35, UNESCO xuất bản tại Paris (1953).

**15. Tài liệu đã dẫn** trang 68.

16. Tài liệu đã dẫn trang 69.
17. Tài liệu đã dẫn trang 51.
18. Tài liệu đã dẫn trang 51.
19. Tài liệu đã dẫn trang 69.
20. **Hội nghị quốc tế về giáo dục năm 1992:** Cần khuyến khích chuẩn bị tài liệu giảng dạy bằng tiếng mẹ đẻ, Báo cáo cuối cùng, trang 21.
21. **Khuyến nghị về quy chế giáo viên** thông qua tại Hội nghị đặc biệt liên chính phủ về quy chế của giáo viên năm 1966.
22. 30 C/ Nghị quyết 42: **Tiến tới một nền văn hóa hoà bình** (1999); Tương tự như vậy, 30 C/ Nghị quyết 12: **Thực hiện một chính sách ngôn ngữ của thế giới theo chủ trương đa ngôn ngữ** (1999), UNESCO xuất bản.
23. **Hội nghị quốc tế về giáo dục năm 2001:** Những kiến nghị hành động (Đoạn 18).
24. 30 C/ Nghị quyết 12: **Thực hiện một chính sách ngôn ngữ của thế giới theo chủ trương đa ngôn ngữ** (1999), UNESCO xuất bản.
25. **Sử dụng các thổ ngữ trong giáo dục**, UNESCO xuất bản tại Paris (1953)
26. Tài liệu đã dẫn trang 69.
27. Tài liệu đã dẫn trang 69.
28. 30 C/ Nghị quyết 12: **Thực hiện một chính sách ngôn ngữ của thế giới theo chủ trương đa ngôn ngữ** (1999), UNESCO xuất bản.
29. 30 C/ Nghị quyết 12: **Thực hiện một chính sách ngôn ngữ của thế giới theo chủ trương đa ngôn ngữ** (1999), UNESCO xuất bản.
30. **Dự thảo khuyến nghị về thúc đẩy và sử dụng cách tiếp cận đa ngôn ngữ và toàn cầu trên không gian ảo**, Đoạn 1 (Chú ý: Theo yêu cầu trong 31 C/ Nghị quyết 33 của ĐHĐ/UNESCO lần thứ 31 năm 2001, Dự thảo khuyến nghị này sẽ được trình lên HĐCH/UNESCO Phiên họp thứ 165.
31. **Tuyên bố Bắc Kinh và Chương trình hành động** (1995). Xem thêm: **Công ước và khuyến nghị chống phân biệt đối xử trong giáo dục** (1960), Điều 1: Thuật ngữ "phân biệt" bao hàm cả sự tách biệt, sự loại bỏ, sự hạn chế, sự thiên vị dựa trên chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, điều kiện kinh tế hoặc dòng dõi, có mục đích hoặc tác dụng làm tổn hại sự bình đẳng trong giáo dục.
32. 28 C/ Nghị quyết 5.4: **Tuyên bố và Khuôn khổ tích hợp hành động về giáo dục hòa bình, quyền con người và dân chủ** (1995), UNESCO xuất bản.



**33. Tuyên bố Hamburg về giáo dục người lớn;** Hội nghị quốc tế lần thứ 5 về giáo dục người lớn năm 1997, Điều 15; **Công ước 169 của Tổ chức Lao động quốc tế về người bản địa và người thiểu số ở các quốc gia độc lập** (1989) quy định rằng Ở những nơi có thể áp dụng được, thì con cái của những người thổ dân sẽ được dạy đọc và viết bằng thổ ngữ của họ hoặc bằng ngôn ngữ sử dụng phổ biến nhất của nhóm tộc đó (Điều 28.1). **Tuyên bố về các quyền của những người dân tộc hoặc người thiểu số trong tôn giáo và ngôn ngữ** (1992) đòi hỏi các nhà nước phải có các biện pháp, ở những nơi có thể được, tạo cho người thiểu số cơ hội học tiếng mẹ đẻ hoặc dạy học bằng tiếng mẹ đẻ của họ(Điều 4.3).

**34. Tuyên bố toàn cầu của UNESCO về đa dạng văn hóa** (2001), Chương trình hành động, Đoạn 8.

**35. Công ước và khuyến nghị chống phân biệt đối xử trong giáo dục** (1960), Điều 5: (Không được cản trở) những người thiểu số hiểu biết về văn hóa và ngôn ngữ của cộng đồng ; 18 C/ Nghị quyết 1.41: **Hợp tác với các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực giáo dục** ( 1974 ) UNESCO xuất bản: Mọi người đều có quyền tiếp thụ kiến thức toàn diện về ngôn ngữ của mình và hiểu biết tốt một ngôn ngữ khác, tốt nhất là một ngôn ngữ giao tiếp quốc tế mà có thể cho phép họ tiếp cận với văn hóa thế giới và tiếp cận với sự trao đổi toàn cầu về ý tưởng dựa trên nền tảng văn hóa dân tộc của mình; **Công ước 169 của Tổ chức Lao động quốc tế về người bản địa và người thiểu số ở các quốc gia độc lập** (1989): Phải có đầy đủ các biện pháp để đảm bảo rằng những người này có cơ hội đạt được trình độ thông thạo tiếng quốc ngữ hoặc một trong những ngôn ngữ chính thức của nước mình(Điều 28.2); **Sự đa dạng sáng tạo của chúng ta: Báo cáo của Ủy ban thế giới về văn hóa và phát triển** (1995) UNESCO xuất bản: Cần phải dạy trong nhà trường một số ngôn ngữ, đặc biệt cả ngôn ngữ bản địa (hoặc ngôn ngữ của tộc người thiểu số) và ngôn ngữ của đa số, trang 59.

**36. Tuyên bố toàn cầu của UNESCO về đa dạng văn hóa** (2001), Chương trình hành động, Đoạn 7.

**37. Hội nghị quốc tế lần thứ 5 về giáo dục người lớn năm 1997:** Báo cáo Hội thảo: Các dân tộc thiểu số và giáo dục người lớn; xem thêm: **Tuyên bố về các quyền của những người dân tộc hoặc người thiểu số trong tôn giáo và ngôn ngữ** (1992), Điều 4.4: Cần có các biện pháp trong lĩnh vực giáo dục để khuyến khích hiểu biết ngôn ngữ và văn hóa của các dân tộc thiểu số và **Sự đa dạng sáng tạo của chúng ta: Báo cáo của Ủy ban thế giới về văn hóa và phát triển** (1995) UNESCO xuất bản, trang 60: Các nền văn hóa thiểu số (hoặc bản địa) phải có vị trí tốt hơn, không chỉ trong hệ thống giáo dục mà còn ở trong hình ảnh văn hóa quốc gia mà mỗi nước luôn tìm cách thu nạp và phô trương.

**38. 28 C/ Nghị quyết 5.4: Tuyên bố và Khuôn khổ tích hợp hành động về giáo dục hòa bình, quyền con người và dân chủ** (1995), UNESCO xuất bản, Điều 19: Học ngoại ngữ cho ta một công cụ để đạt tới sự hiểu biết sâu sắc hơn các nền văn hóa và làm cơ sở tạo dựng sự hiểu biết hơn giữa các cộng đồng và giữa các dân tộc.

**39. Sự đa dạng sáng tạo của chúng ta: Báo cáo của Ủy ban thế giới về văn hóa và phát triển** (1995) UNESCO xuất bản, trang 168..

---

In 1000 cuốn khổ 14 x 26 theo giấy phép xuất bản số: 465/GP-CXB  
In xong và nộp lưu chiểu tháng 1/2006

UNESCO đóng vai trò quan trọng trong việc đưa ra một khuôn khổ quốc tế về chính sách giáo dục và áp dụng vào những vấn đề then chốt và phức tạp. Ngôn ngữ và đặc biệt là việc lựa chọn ngôn ngữ giảng dạy trong giáo dục là một trong sự quan tâm đó và thường dẫn tới những lập trường sâu sắc và đối lập nhau. Những vấn đề bản sắc, dân tộc và quyền lực được gắn kết chặt chẽ với việc sử dụng những ngôn ngữ cụ thể trên lớp học. Hơn nữa, bản thân ngôn ngữ có sự năng động riêng của nó và không ngừng trải qua những quá trình mang cả hai tính liên tục và biến đổi, tác động tới hình mẫu giao tiếp của các xã hội khác nhau. Các nhà hoạch định chính sách giáo dục gặp nhiều khó khăn khi phải đưa ra quyết định về các ngôn ngữ dạy học và chương trình học mà những vấn đề chính trị và kĩ thuật thường chông chéo nhau.

Trong khi có những lập luận về giáo dục mạnh mẽ ủng hộ dạy học bằng tiếng mẹ đẻ (hoặc ngôn ngữ đầu tiên) cần cân bằng cẩn thận giữa việc cho phép người dân sử dụng ngôn ngữ bản địa trong học tập và tạo điều kiện tiếp cận các ngôn ngữ toàn cầu trong giao tiếp thông qua giáo dục. Chính vì vậy, mục đích của UNESCO đưa ra tài liệu quan điểm này là để xem xét một số vấn đề trung tâm liên quan tới các ngôn ngữ và giáo dục, đưa ra những hướng dẫn và các nguyên tắc liên quan. Để làm được điều này, chúng tôi ý thức được sự cần thiết phải có một tuyên bố rõ ràng về chính sách ngôn ngữ trong giáo dục, đặc biệt trong khung cảnh của giáo dục cho mọi người và trong điều kiện của các mục tiêu Dakar: Đảm bảo tất cả trẻ em được tiếp cận với một nền giáo dục tiểu học có chất lượng vào năm 2015 và đồng thời tăng số người lớn biết chữ thêm 50% vào năm 2015.

→ **Giáo dục trong  
một thế giới  
đa ngôn ngữ**



**Tài liệu về  
Quan điểm  
giáo dục  
của  
UNESCO**